

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 82/2022/HS-PT

Ngày: 25 - 3 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huôn, ông Y Thông Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLPT-HS ngày 08/02/2022 đối với bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Lê Văn P. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đăk Lăk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn Đ**, sinh năm 1996, tại tỉnh Đăk Lăk; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn F, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn P**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đăk Lăk, nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Cúc P1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1992 (đã ly hôn năm 2020) và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn P: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Lăk – Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ:* Ông Phạm Văn N1- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đ1; địa chỉ: Đường P2, phường L1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn P:* Ông Nguyễn Đình H1 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Đ1; địa chỉ: Đường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; trú tại: Thôn A1, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn A2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn N2; sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A1, xã N huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Trần Đình P3, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A1, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Ông Hồ Viết N3, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đức H2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

5. Ông Nguyễn Xuân P4, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 40 phút, ngày 27/8/2020, Nguyễn Văn H đi bộ đến quán bi da “Q1” của gia đình anh Nguyễn Xuân Q ở Thôn A2, xã E, huyện C để chơi. Tại đây, H thấy Trần Văn Đ, Lê Văn P đang đánh bi da với anh Trần Đình P3 và anh Nguyễn Xuân P4 ở bàn số 4. Do trước đó, H cho rằng giữa gia đình dì của H và gia đình của Đ có mâu thuẫn với nhau về việc tranh chấp đất đai, nên khi Đ đang đứng dựa lưng vào bàn bi da để chờ đến lượt đánh bi da của mình thì H đi lại nói với Đ “Đi ra ngoài nói chuyện với tao tí”, Đ nói “Giờ tao không có chuyện gì nói với mày hết”. Khi Đ vừa nói xong thì H dùng tay trái ôm vào cổ Đ, còn tay phải đâm vào

mặt và ngực Đ hai cái, bị đánh, Đ vùng ra khỏi tay H rồi lấy một viên bi da màu vàng bằng nhựa cứng, hình tròn, đường kính 06cm ở trên bàn số 5, cầm viên bi trên tay phải đánh trúng vào vùng gò má bên trái của anh H, khi Đ vừa đánh xong thì Lê Văn P chạy đến dùng cây cơ bi da bằng gỗ dài 1,44m, đường kính phần đuôi 3,5cm, đường kính phần đầu 01cm đánh về phía H, thấy vậy H đưa tay trái lên đỡ thì trúng vào cánh tay trái của H. Lúc này có anh Trần Đình P3 can ngăn thì P bẻ cây cơ bi da thành hai khúc để đánh anh P3, anh P3 cũng xông vào định đánh nhau với P nhưng được can ngăn nên P và anh P3 dừng lại; trong lúc P và anh P3 xô xát nhau thì Đ với H vẫn tiếp tục đánh nhau qua lại, sau đó được can ngăn nên sự việc dừng lại. Sau đó, H được người nhà đưa đến Bệnh viện Đa khoa vùng X để điều trị thương tích, Đ đi đến Phòng khám đa khoa V khám thương tích.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 1130/TgT-TTPY ngày 30/10/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ1, kết luận **Nguyễn Văn H** bị:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sưng nề vùng thái dương trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da.

- Vết mổ để lại sẹo đuôi cung mày trái kích thước 1,3cm x 0,2cm.

- Gãy cung tiếp gò má bên trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm).

3. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích của Nguyễn Văn H:

- Sưng nề vùng thái dương trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da trong Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích không có đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0% (Không phần trăm).

- Vết mổ để lại sẹo đuôi cung mày trái kích thước 1,3cm x 0,2cm: 3% (Ba phần trăm), (Mục I.1, Chương 8 – Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích).

- Gãy cung tiếp gò má bên trái: 9% (Chín phần trăm), (Mục I.2, Chương 11 – Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích).

Áp dụng Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định Pháp y, có hiệu lực từ ngày 01/11/2019.

4. Vật tác động: Vật tày, cứng.

5. Cơ chế hình thành vết thương:

- Sưng nề vùng thái dương trái, gãy cung tiếp gò má bên trái là do tác động

trực tiếp của vật tày, cứng hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải”.

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 547/PYHS-PC09 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ1 thể hiện kết quả:

Thương tích sưng nề vùng thái dương trái, gây cung tiếp gò má bên trái (tổn thương khu trú) là do vật tày, dạng khối và có mật độ cứng gây ra.

Đặc điểm của mẫu M1 (cứng, tày, tròn, nhẵn) phù hợp với thương tích; mẫu M2 (cứng, tày, dài, nhẵn) không phù hợp với thương tích.

Thương tích sưng nề vùng thái dương trái, gây cung tiếp gò má bên trái của Nguyễn Văn H khả năng nhiều là do mẫu M1 (viên bi da) gây nên.

Tại Công văn số 542/PC09-ĐL ngày 13/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ1 thể hiện: Thương tích sưng nề vùng thái dương trái, gây cung tiếp gò má bên trái (tổn thương khu trú) của Nguyễn Văn H là do vật tày, dạng khối và có mật độ cứng gây ra; Còn mu bàn tay phải là vật tày, mềm.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 148/TgT-TTPY ngày 08/02/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ1 kết luận **bị cáo Trần Văn Đ**, bị:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương phần mềm vùng cạnh tai trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (Không phần trăm).

Áp dụng Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định Pháp y, có hiệu lực từ ngày 01/11/2019.

3. Vật tác động: Vật tày, cứng.

4. Cơ chế hình thành vết thương:

- Chấn thương phần mềm vùng cạnh tai trái là do tác động trực tiếp của vật tày cứng hướng từ trái qua phải”.

Tại Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trung cầu, số 56/KLGĐ, ngày 30/3/2021 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực X về **bị cáo Lê Văn P**, thể hiện:

1. Kết luận về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/8/2020 và hiện tại bị cáo Lê Văn P bị bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và chất tác động tâm thần (F19.5-ICD10).

2. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/8/2020 và hiện tại bị cáo Lê Văn P hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi”.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã thu giữ:

- Một viên bi da màu vàng làm bằng nhựa, hình tròn, đường kính 06cm.
- Một cây cơ bi da bằng gỗ dài 1,44cm, đường kính phần đuôi là 3,5cm; đường kính phần đầu là 01cm đã được tháo ra thành 02 khúc ở vị trí đoạn nối.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ và Lê Văn P phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về phân trách nhiệm dân sự, xử lý về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2021, bị cáo Lê Văn P có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 13/12/2021, bị cáo Trần Văn Đ kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ dùng tay đánh bị hại Nguyễn Văn H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo dùng viên bi da đánh bị hại là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại cho đúng với tính chất khách quan của vụ án để tránh oan sai cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và thừa nhận có dùng viên bi da đánh bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Vào tối ngày 27/8/2021 khi đang đánh bi da ở bàn số 04, quán bi da “Q1” của gia đình anh Nguyễn Xuân Q ở Thôn A2, xã E, huyện C thì bị hại Nguyễn Văn H đến gây sự, kẹp cổ và đánh bị cáo Đ nhiều cái vào mặt, ngực nên bị cáo Đ đã dùng viên bi da đánh trúng vào mặt H gây thương tích 12%, thấy bị cáo Đ bị đánh thì bị cáo Lê Văn P dùng cây cơ bi da đánh 01 cái trúng vào tay của H và H bị thương tích phần mềm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phân tích các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Lê Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng

tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt, do bị hại cũng có lỗi và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ, xử phạt bị cáo Đ 01 năm 09 tháng tù và chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, xử phạt bị cáo P 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm.

- *Người bào chữa cho bị cáo P trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, do bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường, được bị hại bãi nại, là đồng phạm với trò thứ yếu và không gây thương tích cho bị hại, là người hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển về hành vi, bị hại có lỗi làm cho các bị cáo bị kích động về tinh thần nên phạm tội, bị cáo có vợ đã ly hôn và có con còn nhỏ. Bị cáo P là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và cho bị cáo P được hưởng án treo.

Bị cáo P và người đại diện hợp pháp của bị cáo P đồng ý với ý kiến của Luật sư.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đ tại phiên tòa:* Do bị cáo Đ đã thừa nhận hành vi dùng viên bi da đánh bị hại nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân phạm tội là do bị hại đến gây sự, đánh bị cáo trước là phạm tội thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần, bị cáo Đ cũng bị H đánh gây thương tích. Đồng thời do bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

Bị cáo Đ đồng ý với ý kiến bào chữa của Luật sư và không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, tuy bị cáo Trần Văn Đ không thừa nhận dùng viên bi da màu vàng gây thương tích cho bị hại H mà cho rằng bị cáo dùng tay đánh vào mặt H làm sưng nề vùng thái dương trái, gây cung tiếp gò má bên trái bị thương tích 12% sức khỏe, nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại là bị cáo Đ dùng viên bi da đánh bị hại, lời khai của bị cáo Lê Văn P, lời khai của nhân chứng là sau khi đánh nhau thì thấy bị cáo Đ cầm viên bi da màu vàng trong tay, khi dọn dẹp quán thì cũng thấy viên bi da màu vàng rơi xuống ở dưới nền nhà là phù hợp với cơ chế hình thành vết thương đã được Trung tâm Pháp y tỉnh Đ1 giám định về thương tích và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ1 kết luận nguyên nhân bị hại

H bị sung nề vùng thái dương trái, gây cung tiếp gò má bên trái bị thương tích 12% là do vật tày, dạng khối và có mật độ cứng gây ra, do tác động trực tiếp của vật tày, cứng hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải, đặc điểm của mẫu M1 (cứng, tày, tròn, nhẵn) phù hợp với thương tích, còn mu bàn tay phải là vật tày, mềm. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ đã thừa nhận là bị cáo có dùng viên bi da đánh vào mặt bị hại bị thương tích 12%.

Như vậy, Tòa án xét xử các bị cáo Trần Văn Đ, Lê Văn P về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đ, thì thấy: Mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Trần Văn Đ là thỏa đáng. Tuy nhiên, nguyên nhân bị cáo Đ dùng viên bi da đánh vào mặt của H là do trước đó trong lúc bị cáo đang chơi bi da với nhóm bạn của mình, bị hại H đến gây sự và dùng tay kẹp cổ, đánh nhiều cái vào vùng mặt, vùng ngực của bị cáo Đ làm cho bị cáo Đ bị thương tích phần mềm (0%) trong khi giữa bị cáo Đ và bị hại trước đó không có mâu thuẫn gì (chỉ có mâu thuẫn giữa gia đình bị cáo Đ với dì của H). Do đó, hành vi của bị hại là trái pháp luật làm cho bị cáo Đ bị kích động mạnh về tinh thần nên đã lấy viên bi da ở bàn số 05 đánh bị hại gây thương tích.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, trong giai đoạn điều tra đã bồi thường một phần thiệt hại.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn P, thì thấy: Bị cáo P là đồng phạm với bị cáo Đ. Trong lúc đang chơi bi da, do trước đó bị hại H có hành vi trái pháp luật với bị cáo Đ là bạn đang chơi bi da với bị cáo, nên bị cáo P có sử dụng cây cơ bi da đánh bị hại H trúng vào tay nhưng H không bị thương tích, mà thương tích 12% của H là do bị cáo Đ gây ra. Ngoài ra, bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường nên được bị hại bãi nại, là người bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển về hành vi, bị hại có lỗi khi đến gây sự và đánh bạn bị cáo trước; bị cáo có vợ đã ly hôn và có con còn nhỏ.

Xét thấy, cả hai bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương là phù hợp và cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo về việc xin hưởng án treo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Đ, Lê Văn P.

Sửa bản án sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s, b, e khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn Đ, Lê Văn P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn Đ và Lê Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ1;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N, huyện C;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr

